

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

a) Sự cần thiết ban hành văn bản

Trước đây, mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND thành phố. Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở quy định về nội dung chi và mức chi tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Qua hơn 10 năm thực hiện Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND, trên cơ sở kết quả báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp do các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện gửi về Sở Tư pháp cho thấy mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương theo quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND không còn đáp ứng được yêu cầu thực tế, không đảm bảo được nguồn lực về vật chất cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn hiện nay. Mức chi tại Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND còn thấp và chưa thỏa đáng, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa

văn bản quy phạm pháp luật, nhất là trong việc lấy ý kiến chuyên gia đối với các văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực phức tạp; chỉ có mức chi hỗ trợ cho công tác kiểm tra mà không có chi hỗ trợ cho công tác rà soát văn bản; không có nội dung và mức chi khi chỉnh lý các báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản (trong khi việc chỉnh lý một số báo cáo phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, chuyên ngành, phải mất nhiều thời gian tổng hợp), cũng không có nội dung chi và mức chi để thực hiện công tác kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (05 năm) trước khi trình cấp có thẩm quyền công bố.

Ngày 08/02/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (có hiệu lực từ ngày 01/4/2023) thay thế Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP. Theo đó, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định “Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện”.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC, UBND thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp Sở Tư pháp thực hiện rà soát Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND. Qua rà soát nhận thấy thẩm quyền ban hành văn bản và các nội dung tại Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND đã không còn phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Thông tư số 09/2023/TT-BTC, cụ thể:

- Theo quy định tại điểm g khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC, thẩm quyền ban hành mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương thuộc về HĐND thành phố, không phải UBND thành phố.

- Điều 2 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND quy định đối tượng áp dụng của Quyết định này gồm: Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp thuộc UBND các quận, huyện; tổ chức pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố quản lý; các cơ quan, tổ chức khác khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch. Tuy nhiên, hiện nay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không chỉ do tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố thực hiện, mà còn có thể do các cơ quan, đơn vị khác chủ trì thực hiện, cụ thể: các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các quận, huyện; UBND các phường, xã; các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của HĐND, UBND. Do đó, việc quy định đối tượng áp dụng như Điều 2 Quyết định

số 07/2012/QĐ-UBND là chưa đầy đủ theo quy định hiện hành.

- Để đảm bảo nguồn lực kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trong tình hình mới, Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã quy định mức chi cao hơn tất cả các mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND đối với các nội dung chi sau: chi lấy ý kiến chuyên gia (tăng từ 600.000 đồng lên 1.500.000 đồng trên 01 văn bản); chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực (tăng từ 1.000.000 đồng/báo cáo lên 1.500.000 đồng đối với báo cáo của phòng, ban, ngành cấp huyện, báo cáo của UBND cấp xã, báo cáo của đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập; 3.000.000 đồng đối với báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, báo cáo của UBND cấp huyện, báo cáo kết quả của đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập; 7.000.000 đồng đối với báo cáo của UBND cấp tỉnh); chi soạn thảo, viết báo cáo đánh giá văn bản trái pháp luật (tăng từ 200.000 đồng lên 400.000 đồng trên 01 báo cáo); chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra văn bản (từ 100.000 đồng/văn bản lên 250.000 đồng/văn bản trong trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật và 500.000 đồng/văn bản trong trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật); chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản (tăng từ 140.000 đồng lên 300.000 đồng trên 01 văn bản; tăng từ 300.000 đồng lên 600.000 đồng trên 01 văn bản nếu thuộc trường hợp văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp); chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản (tăng từ 100.000 đồng lên 150.000 đồng trên 01 văn bản).

- Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND quy định nội dung chi soạn thảo, viết “báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật”. Tuy nhiên, Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã điều chỉnh nội dung chi này thành chi soạn thảo, viết “báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp” để đảm bảo bao hàm cả công tác kiểm tra lẫn công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Thông tư số 09/2023/TT-BTC cũng đã bổ sung thêm một số nội dung chi và mức chi mới để đảm bảo hoàn thiện chính sách về nguồn lực kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp, góp phần hoàn thiện nội dung và mức chi cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản, cụ thể: chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo kết quả công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp); chi rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ; chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống văn bản; chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản

theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố nhận thấy cần thiết phải tham mưu HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, UBND thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng bãi bỏ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND thành phố Quy định mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Căn cứ ban hành văn bản

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với chủ trương, định hướng, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 08/02/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC thay thế cho Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP. Căn cứ quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC, UBND thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp Sở Tư pháp thực hiện rà soát Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND.

Trên cơ sở kết quả rà soát, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng bãi bỏ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND thành phố Quy định mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Ngày 08/6/2023, UBND thành phố ban hành Tờ trình số 57/TTr-UBND trình Thường trực HĐND thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Ngày 30/6/2023, Thường trực HĐND thành phố ban hành Công văn số 158a/HĐND-KTNS về việc thông báo ý kiến của Thường trực HĐND thành phố, trong đó Thường trực HĐND thành phố “thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 08/6/2023 của UBND thành phố”; đồng thời, đề nghị UBND thành phố xây dựng Nghị quyết đảm bảo theo quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND thành phố tại Công văn số 158a/HĐND-KTNS, UBND thành phố đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND thành phố xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự kiến xây dựng dự thảo Nghị quyết gồm 04 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm:

- a) Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- b) Phòng Tư pháp thuộc UBND các quận, huyện;
- c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp UBND các cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cùng cấp ban hành;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Mức chi được xây dựng tương ứng với từng nội dung chi đã được quy định tại Điều 3 và Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC (áp dụng các nội dung chi phù hợp với tính chất, đặc điểm của hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của địa phương theo quy định hiện hành và việc phân cấp, ủy quyền của thành phố) và được xây dựng bằng mức chi tối đa quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện (quy định phù hợp với Điều 182 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Điều 2, Điều 5 Thông tư số 09/2023/TT-BTC).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NC, STP.

STP + 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh

Phụ lục I

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Tờ trình số 153 /TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỐNG NHẤT VỚI DỰ THẢO

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Văn bản tham gia góp ý
1	Thanh tra thành phố	Công văn số 667/TTTP-VP ngày 11/7/2023
2	Sở Giao thông vận tải	Công văn số 3062/SGTVT-VP ngày 13/7/2023
3	Sở Y tế	Công văn số 3218/SYT-KHTC ngày 13/7/2023
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Công văn số 1673/STTTT-VP ngày 14/7/2023
5	Sở Ngoại vụ	Công văn số 1709/SNG-TT ngày 18/7/2023
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công văn số 2950/SNN-VP ngày 21/7/2023
7	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Công văn số 916/BQLATTP-TTra ngày 24/7/2023
8	Sở Du lịch	Công văn số 1184/SDL-TTr ngày 25/7/2023
9	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 1286/SKHCN-VP ngày 25/7/2023
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Công văn số 2558/STNMT-VP ngày 25/7/2023
11	UBND quận Liên Chiểu	Công văn số 2405/UBND-PTP ngày 18/7/2023
12	UBND quận Thanh Khê	Công văn số 1524/UBND-PTP ngày 19/7/2023
13	UBND quận Hải Châu	Công văn số 2107/UBND-PTP ngày 20/7/2023

14	UBND quận Sơn Trà	Công văn số 2392/UBND-PTP ngày 25/7/2023
15	UBND quận Ngũ Hành Sơn	Công văn số 1969/UBND-PTP ngày 25/7/2023
16	Phòng Tư pháp Hòa Vang	Công văn số 139/PTP ngày 13/7/2023
17	Phòng Tư pháp Cẩm Lệ	Công văn số 159/PTP ngày 17/7/2023
18	UBND phường Nại Hiên Đông	Công văn số 1106/UBND-VHXXH ngày 18/7/2023
19	UBND phường Thanh Khê Tây	Công văn số 365/UBND-TPHT ngày 18/7/2023
20	UBND phường An Hải Đông	Công văn số 1395/UBND-TPHT ngày 19/7/2023
21	UBND phường Hòa Hải	Công văn số 621/UBND-TPHT ngày 24/7/2023
22	UBND xã Hòa Nhơn	Công văn số 233/UBND-TPHT ngày 24/7/2023
23	UBND phường Hải Châu II	Công văn số 351/UBND-TPHT ngày 27/7/2023

II. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ Ý KIẾN

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình của Sở Tư pháp
1	Sở Nội vụ (Công văn số 2134/SNV-VP ngày 31/7/2023)	<ul style="list-style-type: none"> - Kính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 vào phần căn cứ ban hành Nghị quyết, do đây là căn cứ để xây dựng quy định mức chi. - Sở Nội vụ thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của UBND thành phố và nội dung chi tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND 	Tiếp thu

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình của Sở Tư pháp
		thành phố.	
2	Sở Tài chính (Công văn số 2496/STC-HCSN ngày 31/7/2023)	<p>Sở Tài chính cơ bản thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên.</p> <p>Ngoài ra, tại dự thảo Tờ trình đề nghị Sở Tư pháp dự kiến nguồn lực đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Giải trình: Nội dung dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành nghị quyết đã được thể hiện tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 08/6/2023 của UBND thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và đã được Thường trực HĐND thành phố thống nhất chủ trương tại Công văn số 158a/HĐND-KTNS ngày 30/6/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Bên cạnh đó, Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị</p>

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình của Sở Tư pháp
			định số 34/2016/NĐ-CP (Mẫu Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật) không có yêu cầu trình bày lại nội dung về dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành nghị quyết. Do đó, Sở Tư pháp không bổ sung nội dung này.

III. Ý KIẾN GÓP Ý TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ĐÀ NẴNG

Không có ý kiến.



Phụ lục II

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Tờ trình số 153 /TTr-UBND ngày 15 / 9 /2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Ý kiến tại Báo cáo thẩm định (Báo cáo số 3947/BC-STP ngày 24/8/2023)	Ý kiến giải trình, tiếp thu
1	Tại Điều 2 dự thảo, đề nghị điều chỉnh nội dung “Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành” thành “Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật hiện hành” để tạo thuận lợi cho các đơn vị xác định văn bản pháp luật được áp dụng.	Tiếp thu, điều chỉnh Điều 2 dự thảo theo ý kiến thẩm định: “Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật hiện hành”.
2	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung điều khoản về việc các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, làm cơ sở để áp dụng các mức chi cho phù hợp.	Tiếp thu, bổ sung khoản 4 Điều 4 dự thảo với nội dung: “Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để thực hiện

STT	Ý kiến tại Báo cáo thẩm định (Báo cáo số 3947/BC-STP ngày 24/8/2023)	Ý kiến giải trình, tiếp thu
		quy trình kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, làm cơ sở để áp dụng các mức chi cho phù hợp”.
3	Về Điều 3 dự thảo về nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu xây dựng theo hướng tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện thanh quyết toán đối với từng nội dung chi.	Tiếp thu, điều chỉnh khoản 2 Điều 3 dự thảo theo hướng quy định rõ hơn: “Đối với công tác tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản”.

Nguyễn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra,
xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trình thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân

dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- b) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục đính kèm.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do ngân sách nhà nước đảm bảo và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách.

2. Đối với công tác tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định

tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát văn bản.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, làm cơ sở để áp dụng các mức chi cho phù hợp

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày..... tháng..... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND TP, Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBMTTQ, Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Quận, huyện ủy; UBND quận, huyện, phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN;
- Công báo thành phố, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

**MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ,
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND

ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

(đơn vị tính: đồng)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.			
a	Chủ trì cuộc họp.	Người/buổi	150.000	
b	Các thành viên tham dự.	Người/buổi	100.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia.	01 văn bản	1.500.000	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng cơ quan, đơn vị, địa phương), cụ thể:			
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố (hoặc báo cáo do Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho các sở, ban, ngành thực hiện).	01 báo cáo	7.000.000	
	- Báo cáo kết quả của các sở, ban, ngành; báo cáo của Ủy ban nhân dân quận, huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.	01 báo cáo	3.000.000	
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành quận, huyện; báo cáo của Ủy ban nhân	01 báo cáo	1.500.000	

	dân phường, xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định thành lập.			
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.	01 báo cáo	400.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).	01 báo cáo	900.000	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.			
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.	01 văn bản	250.000	
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.	01 văn bản	500.000	
7	Chi rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	01 văn bản	200.000	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản.			
a	Mức chi chung.	01 văn bản	300.000	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp.	01 văn bản	600.000	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.	01 văn bản	250.000	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	01 văn bản	150.000	
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống			

	hóa văn bản.			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 văn bản	150.000	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.			
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí.	01 tài liệu (01 văn bản)		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo.
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.